

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CP  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53 /2021/HNGĐ-ST  
Ngày : 04 – 02– 2021  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hoàng Vũ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Phụng;
2. Ông Đỗ Sơn Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Nguyên Huân – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện CP; Ông Võ Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP** tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 390/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 380/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Mỹ X, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số 848, ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Phú, huyện CP, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trương Văn X, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp Mỹ An, xã Mỹ Phú, huyện CP, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 7 năm 2020, nguyên đơn bà X trình bày như sau:

Bà X và ông X do quen biết và sau một thời gian tìm hiểu nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Phú năm 2016. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân

do bất đồng quan điểm sống. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bà X yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông X.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà X với ông X Thuận có 01 (Một) con chung tên Trương Trí V, sinh ngày 18/2/2013. Hiện cháu V đang sống chung với bà X. Sau khi ly hôn bà X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn: Ông Trương Văn X được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa để tham gia các tiến trình tố tụng của Tòa thực hiện theo quy định pháp luật, cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà X.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà X trình bày: Vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, tiếp tục được nuôi con chung Trương Trí V, sinh ngày 18/2/2013 và không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn ông X: Vắng mặt tại phiên Tòa.

*\* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Bà X và ông X có đăng ký kết hôn, hôn nhân hợp pháp;

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến cung cấp ý kiến. Qua đó cho thấy đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X.

+ Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên Trương Trí V, sinh ngày 18/2/2013, hiện cháu V đang sống chung với bà X. Sau khi ly hôn bà X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà X.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Do ông X cư trú tại xã Mỹ Phú, huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà X có mặt, ông X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà X, thấy rằng:

+ Bà X và ông X có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà X trình bày, vợ chồng chung sống hòa thuận thời gian đầu nhưng về sau có nhiều mâu thuẫn, khoảng 03 năm nay đã ly thân đến nay, lý do ông X không lo làm ăn, hay rượu chè, không quan tâm đến cuộc sống vợ con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn được bà Ngô Thị Phi (mẹ ruột ông X) cung cấp: Trong thời gian chung sống vợ chồng X, X không có mâu thuẫn, con dâu của tôi là X đã bỏ nhà đi cách đây 3 năm, rồi quay về xin ly hôn; Tại địa phương cung cấp thông tin là giữa bà X và ông X có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không biết, nhưng biết vợ chồng sống ly thân.

Xét thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà X và ông X thực tế là có phát sinh mâu thuẫn, trong thời gian hơn ba năm không sống cùng nhau các bên không có biện pháp hàn gắn quan hệ vợ chồng với nhau. Bà X kiên quyết yêu cầu được ly hôn, ông X không có ý kiến đối với yêu cầu của bà X, chứng tỏ ông không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa 2 người đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X.

+ Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên **Trương Trí V, sinh ngày 18/2/2013**, hiện cháu V đang sống chung với bà X. Để đảm bảo ổn định cho cuộc sống của cháu V. Hội đồng xét xử chấp thuận giao cháu V cho bà X trực tiếp nuôi. Ông X không phải cấp dưỡng nuôi con do bà X không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm do bà là người yêu cầu xin ly hôn.

[4] Ngoài ra: Bà X cung cấp lời khai tại phiên tòa thì bà X và ông X đã tổ chức lễ cưới vào năm 2012, tại thời điểm này bà X chỉ mới 15 tuổi. Do đó kiến

ngị Viện kiểm sát nhân dân huyện CP xem xét hành vi của ông Trương Văn X có vi phạm pháp luật hay không để xử lý theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Mỹ X, bà Phạm Thị Mỹ X được ly hôn với ông Trương Văn X.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 129 cấp ngày 08 tháng 8 năm 2016 của UBND xã Mỹ Phú không còn giá trị pháp lý, khi bản án có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Giao con chung tên **Trương Trí V, sinh ngày 18/2/2013** cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, ông X không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà X cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông X thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

*(Việc trực tiếp nuôi con chưa đủ 18 tuổi và việc cấp dưỡng nuôi con không cố định, có thể thay đổi theo quy định của pháp luật.)*

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Mỹ X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0003532 ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP nên không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Bà X có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông X vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- UBND xã Mỹ Phú;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hoàng Vũ**